

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/HSST
Ngày: 07-03-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- ***Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Bà Trần Thị Qui

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Bà Nguyễn Thị Kim Huế

2. Ông Cầm Văn Nam

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Xuân Đức - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 07 tháng 03 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 07/2019/HSST ngày 23 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 02 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Minh T**; tên gọi khác: không; Sinh năm: 1990; Tại: B; Nơi ĐKNKTT và nơi cư trú: phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: Lớp 07/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà: Phùng Thị S (đã chết); Vợ, con: chưa có;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt và tạm giam từ ngày 13/11/2018 đến nay (có mặt).

Bị hại:

1/ Ông Trần Văn Kh, sinh năm 1967; Cư trú tại: phường B, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; (có đơn xin vắng mặt)

2/ Chị Nguyễn Hồng Thu D, sinh năm 1992; cư trú tại: thôn T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; (có đơn xin vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; cư trú tại: đường T, xã L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Nguyễn Khánh N, sinh năm 1987; Cư trú tại: ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Lâm Đồng. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T là đối tượng không có việc làm ổn định. Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 11/2018 Nguyễn Minh T đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của các hộ dân trên địa bàn thành phố B, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 08 giờ 30 phút ngày 25/10/2018, Nguyễn Minh T khi đi qua phường B, Tp.B của nhà ông Lê Văn B phát hiện thấy trước cửa nhà ông B có dựng 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, BKS: 49K1-391.80 cầm sẵn chìa khóa của ông Trần Văn Kh, thấy không có người trông coi, T liền lên lút lấy đi chiếc xe nói trên rồi đi đến nhà Nguyễn Khánh N. Đến 08 giờ ngày 26/10/2018 T cầm xe mô tô BKS: 49K1-391.80 cho anh N với giá 1.000.000 đồng. Số tiền trên, T tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 121/KL-HĐĐG ngày 11/12/2018 của Hội đồng định giá Tp.B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, BKS: 49K1-391.80 trị giá: 30.000.000 đồng.

Lần thứ hai: Khoảng 19 giờ ngày 12/11/2018, T đi đến Trung tâm tư vấn du học Nhật Bản ASHAHI thì phát hiện cửa nhà không khóa và không có người trông coi, T đi vào phòng lấy của chị Nguyễn Hồng Thu D 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy note 4, lấy được điện thoại T bỏ vào túi quần rồi rời khỏi bằng cửa chính.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 113/KL-HĐĐG ngày 27/11/2018 của Hội đồng định giá Tp.B kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu SamSung galaxy Note 4 trị giá: 2.450.000 đồng.

Lần thứ ba: Vào khoảng 10 giờ ngày 13/11/2018, T khi đi qua cửa hàng bán chăn nệm, của anh Vũ Đình Đ thấy 01 xe mô tô BKS: 49M8-6254 đang dựng trước cửa hàng, có cầm sẵn chìa khóa xe. Thấy không có người trông coi nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô. Thực hiện ý định, T dắt trộm xe ra phía trước đường Trần Phú, mở khóa và điều khiển xe chạy về hướng xã Đ, Tp.B tìm nơi tiêu thụ. Lúc này anh Vũ Đình Đ đang ở đường Tr, xã L, Tp.B thì thấy ở phía đối diện cửa hàng chăn nệm đối tượng T đang đi xe mô tô BKS: 49M8-6254 của vợ mình là chị Nguyễn Thị M. Anh Đ nghi ngờ T trộm cắp xe mô tô nên liền lấy xe mô tô 49A1-002.57 chạy đuổi theo hướng lưu thông của T. Khi đến khu vực công nghĩa trang liệt sỹ Tp.B thì anh Đ đuổi kịp T, anh Đ dùng xe mô tô của mình ép đầu xe mô tô 49M8-6254 khiến xe bị đổ, T ngã cùng xe. Anh Đ liền cùng với người dân xung quanh bắt và giao T cho Công an xã L, Tp.B xử lý.

Kết luận định giá tài sản trong tố tụng số 111/KL-HĐĐG ngày 14/11/2018 của Hội đồng định giá Tp.B xác định: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha màu sơn đen-bạc biển số 49M8-6254, số máy 2JB3-01617, số khung 3B308Y016171 có giá trị: 7.200.000 đồng .

Về tang vật: Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi và trả lại 01 xe mô tô BKS: 49K1-391.80, số khung: 9210GY069257, số máy: E3R7E069264 cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Trần Văn Kh; thu giữ 01 điện

thoại Samsung Galaxy note 4 màu trắng, đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là chị Nguyễn Hồng Thu D; thu giữ 01 xe mô tô BKS: 49M8-6254, số khung: 3B308Y016171, số máy: 2JB3-016171 đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là bà Nguyễn Thị M.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường, Anh Nguyễn Khánh N là người cầm xe bị cáo không có yêu cầu về bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số 13/CT-VKS ngày 22 tháng 01 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố Nguyễn Minh T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Minh T thừa nhận toàn bộ nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo thừa nhận bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp tài sản của người khác với hành vi cụ thể như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu là đúng, bị cáo không thắc mắc hay khiếu nại gì nội dung của bản cáo trạng.

Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s, r khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù. Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường, anh Nguyễn Khánh N không yêu cầu bồi thường nên không xem xét. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm ổn định, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận với viện kiểm sát

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN XÉT CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Cơ quan điều tra Công an thành phố B; của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo qui định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến thắc mắc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, các hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng qui định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Bị cáo T là người có đầy đủ nhận thức, bị cáo biết rất rõ việc lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu hợp pháp trong quản lý tài sản vào các ngày 25/10/2018, 12/11/2018, 13/11/2018 bị cáo đã lén lút trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Nouvo, BKS: 49K1-391.80 của ông Trần Văn K; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy note 4 của chị Nguyễn Thị Hồng D và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Utimo BKS: 49M8-6254 của bà Nguyễn Thị M. Tổng giá trị tài sản mà T trộm cắp được là 39.650.000 đồng (Ba

mười chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng) là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm trái pháp luật đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Đối chiếu lời khai của bị cáo; lời khai của bị hại, người có quyền lợi liên quan đến vụ án, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự, có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo Nguyễn Minh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Xét tính chất hành vi do bị cáo T thực hiện là rất nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật, hành vi trên không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương; nên cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và để răn đe phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp tài sản, mỗi lần đều trên 2.000.000đ nên phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự khai báo 02 hành vi phạm tội của mình nên áp dụng điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Về nhân thân: Ngày 18/01/2011 Tòa án nhân dân huyện D xử phạt 06 tháng tù, về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2011.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có việc làm, không có thu nhập nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với anh Nguyễn Khánh N là người đã cầm cố sản do Nguyễn Minh T phạm tội mà có; tuy nhiên anh N không biết tài sản đó là do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề nghị truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp quy định của pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận được tài sản và anh N không yêu cầu gì nên không xem xét.

[7] Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T **30 (Ba mươi)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/11/2018.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về lệ phí, án phí tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo qui định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS tỉnh Lâm Đồng;
- VKS nhân dân thành phố B;
- Công an thành phố B;
- Trại tạm giam thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A thành phố B;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Qui.